

Bản án số: 60/2018/HS-ST

Ngày: 09/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Cương – Giáo viên trường tiểu học Phường Đức;

2. Ông Nguyễn Hữu Trục – Giáo viên Trường THCS Hùng vương.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trương Bảo Long- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Bá Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/TLST- HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST- HS ngày 26/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Văn T; sinh ngày: 01/01/2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ 4, khu vực 2, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Đang học nghề sửa xe; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Tuấn, sinh năm 1968 và bà Lâm Thị Pha, sinh năm 1972; chưa có vợ con; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ hai gia đình; Tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

* Người bào chữa của bị cáo: Bà Đỗ Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

* Bị hại: Chị Mai Thị Ngọc Ph, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 4, khu vực 2, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thanh Bảo H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 2/138 đường C, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

* Người làm chứng: Anh Trần Thành L, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số 2/138 đường C, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 24 giờ, ngày 30/11/2017, Mai Văn T đi chơi về thì thấy mọi người trong nhà đã ngủ say. T đi vào phòng chị gái mình là Mai Thị Ngọc Ph, thấy chị Ph đang nằm ngủ, phía trên đầu có để chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S, nên đã lén lút lấy trộm. Sau đó, T lên facebook, gặp một người bạn tên Bin (Không rõ tên, tuổi thật và địa chỉ cụ thể), nhờ đến chở sang nhà Bin ở đường Mai Thúc Loan. Tiếp đó, T cần tiền để đánh bài, nên vào mạng internet, tiếp tục nhờ anh Trần Thành L giới thiệu người cầm cố máy điện thoại di động hiệu OPPO F1S, anh L đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại nhờ Bin chở đến chợ An Cựu gặp chị Huỳnh Thanh Bảo H, liên hệ cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S lấy 2.000.000 đồng. Số tiền có được, T sử dụng chơi bài với một số người không quen biết và tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án thu giữ: Một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế, xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S có giá trị là 2.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S cho bị hại. Chị Mai Thị Ngọc Ph đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mai Văn T. Chị Huỳnh Thanh Bảo H không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường lại số tiền 2.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Mai Văn T, bố bị cáo cung cấp giấy xác nhận của chị Huỳnh Thanh Bảo H về việc bồi thường số tiền 2.000.000đ.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 138 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ vì khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, có chỗ ở, nghề nghiệp ổn định.

Bản cáo trạng số: 41/QĐ-KSĐT ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 73 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, Mai Văn T khai nhận, Vào khoảng 24 giờ ngày 30/11/2017, Mai Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của chị Mai Thị Ngọc Ph một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu vàng trị giá 2.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Bị cáo Mai Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do bị cáo tham lam, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nhưng lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa Ph nên cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động bổ bồi thường thiệt hại; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Thực hiện hành vi phạm tội trong độ tuổi chưa thành niên; Có nơi cư trú, nghề nghiệp ổn định. Từ nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Mai Văn T nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Việt Nam như lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Về dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 68, 69; Điều 73; khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ

ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo Mai Văn T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Mai Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo di chuyển, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 Luật Thi hành án hình sự và các điểm c, d khoản 10 Điều 4 Nghị định số 60/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 27 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người CQLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tú